

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT THUỘC TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN THAM KHẢO KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ.

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU
HÓA CHẤT**

Tổ chức thực hiện đấu giá



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (084-4) 3941 2626 Fax: (084-4) 3934 7818

Tổ chức phát hành



CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ XNK HÓA CHẤT

Địa chỉ: Số 4 Phạm Ngũ Lão, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (084-4) 38 750 394 Fax: (084-4) 38 750 394

Tổ chức tư vấn



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Địa chỉ: Tầng 6, 79 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (084-4) 3728 0921 Fax: (084-4) 3728 0920



MỤC LỤC

I.	CĂN CỨ PHÁP LÝ	1
II.	CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	2
III.	CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN LIÊN QUAN ĐẾN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU	3
IV.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	3
	1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa.....	3
	2. Doanh nghiệp cổ phần hóa	3
	3. Tổ chức tư vấn.....	3
V.	THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA	4
	1. Giới thiệu chung về doanh nghiệp cổ phần hóa	4
	2. Ngành nghề kinh doanh.....	6
	3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu	6
	4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa.....	6
	5. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần.....	7
	6. Giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm 30/9/2014	8
	7. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp.....	10
	8. Danh sách công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết liên doanh	14
	9. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa	14
	10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	25
VI.	ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC SAU CỔ PHẦN HÓA CỦA CÔNG TY	26
	1. Thông tin chung về công ty cổ phần	26
	2. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa	27
	3. Cơ cấu bộ máy quản lý và tổ chức sau cổ phần hóa.....	27
	Hình 2. Sơ đồ Cơ cấu tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa	27
	4. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau cổ phần hóa.....	29



5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ sau cổ phần hóa.....	32
VII. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN.....	33
1. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần đấu giá	33
2. Phương thức phát hành cổ phiếu	34
VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HÓA.....	35
IX. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	36
1. Rủi ro về kinh tế	36
2. Rủi ro về pháp luật.....	37
3. Rủi ro đặc thù	38
4. Rủi ro ô nhiễm môi trường	38
5. Rủi ro của đợt chào bán.....	38
6. Rủi ro khác.....	39
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG	39
XI. LỘ TRÌNH NIÊM YẾT, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN.....	40



DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.	Cơ cấu lao động của Công ty tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần	8
Bảng 2.	Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại 0h ngày 1/10/2014	9
Bảng 3.	Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 30/09/2014	13
Bảng 4.	Cơ cấu doanh thu thuần theo lĩnh vực hoạt động	15
Bảng 5.	Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2012 - 2014.....	15
Bảng 6.	Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh giai đoạn 2012- 2014.....	17
Bảng 7.	Danh mục Hợp đồng công ty đang thực hiện	19
Bảng 8.	Một số chỉ tiêu tài chính năm 2012-2014	20
Bảng 9.	Tình hình công nợ phải thu 2012-2014	21
Bảng 10.	Tình hình công Nợ phải trả 2012-2014	21
Bảng 11.	Chi tiết các khoản nợ vay.....	22
Bảng 12.	Số thuế và các khoản còn phải nộp Nhà nước	23
Bảng 13.	Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh từ năm 2015 – 2017.....	31
Bảng 14.	Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty sau cổ phần hóa	32
Bảng 15.	Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa như sau	35



I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ;
- Quyết định số 2097/QĐ-TTg ngày 28/12/2012 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Hóa chất Việt Nam giai đoạn 2012-2015.
- Quyết định số 22/QĐ-HCVN ngày 20/1/2013 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2097/QĐ-TTg ngày 28/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ.
- Quyết định số 359/QĐ-HCVN ngày 08/9/2014 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về việc cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất;
- Quyết định số 373/QĐ-HCVN ngày 15/9/2014 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất;
- Quyết định số 201/QĐ-XNKHC ngày 19/09/2014 về việc thành lập Tổ giúp việc cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất;
- Báo cáo tài chính cho các năm tài chính 2012,2013 và năm 2014 của Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất;
- Quyết định số 194/QĐ-HCVN ngày 18/05/2015 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất để cổ phần hóa;
- Quyết định số 195/QĐ-HCVN ngày 18/5/2015 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về việc phê duyệt tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất



• Quyết định số 235/QĐ-HCVN ngày 17/6/2015 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất thành công ty cổ phần.

- Và các tài liệu có liên quan khác.

II. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

- ❖ Ban chỉ đạo cổ phần hoá : Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất
- ❖ Công ty : Công ty TNHH MTV Vật tư và xuất nhập khẩu Hóa chất
- ❖ TVSI : Công ty cổ phần Chứng khoán Tân Việt
- ❖ CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- ❖ ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- ❖ HĐQT : Hội đồng quản trị
- ❖ DTT : Doanh thu thuần
- ❖ LNST : Lợi nhuận sau thuế
- ❖ VCSH : Vốn chủ sở hữu
- ❖ NPT : Nợ phải trả
- ❖ ĐKKD : Đăng ký kinh doanh
- ❖ GTDN : Giá trị doanh nghiệp
- ❖ SXKD : Sản xuất kinh doanh
- ❖ CP : Cổ phần
- ❖ ATLĐ : An toàn lao động
- ❖ VSLĐ : Vệ sinh lao động
- ❖ PCCN : Phòng chống cháy nổ
- ❖ SXKD : Sản xuất kinh doanh
- ❖ CNTT : Công nghệ thông tin
- ❖ KPSN : Kinh phí sự nghiệp
- ❖ TTTT : Thất thoát thất thu
- ❖ BCTC : Báo cáo tài chính



III. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN LIÊN QUAN ĐẾN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU

- Tên tổ chức chào bán: Công ty TNHH MTV Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất
- Trụ sở chính: Số 4 Phạm Ngũ Lão, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa: 77.000.000.000 đồng (bảy mươi bảy tỷ đồng chẵn)
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần (mười nghìn đồng/một cổ phần)
- Tổng số lượng cổ phần: 7.700.000 cổ phần (Bảy triệu bảy trăm nghìn cổ phần)
- Số lượng cổ phần dự kiến chào bán qua đấu giá: 2.794.500 cổ phần (tương đương với 36,29% vốn điều lệ)
- Loại cổ phần chào bán: Cổ phần phổ thông
- Hình thức chào bán: Đấu giá cạnh tranh công khai
- Giá khởi điểm: **10.000 đồng/cổ phần**

IV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa

- Trưởng ban chỉ đạo: Ông Nguyễn Anh Dũng – Chủ tịch Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
- Thành viên ban chỉ đạo: Ông Nguyễn Gia Tường – Tổng giám đốc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Bản công bố thông tin này do Doanh nghiệp cổ phần hóa và Tổ chức tư vấn lập đã được Ban chỉ đạo cổ phần hóa thông qua.

2. Doanh nghiệp cổ phần hóa

CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT

- Ông Hoàng Mạnh Thắng Chức vụ: Tổng giám đốc
- Bà Nguyễn Ngọc Hiền Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là đầy đủ, chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

3. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

- Ông Nguyễn Việt Cường Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 322/2013/UQ-TGD ngày 22/03/2013 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt)



Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất do Công ty Cổ phần chứng khoán Tân Việt tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất cung cấp.

V. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Giới thiệu chung về doanh nghiệp cổ phần hóa

1.1. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp cổ phần hóa

- Tên gọi đầy đủ tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN VẬT TƯ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT.
- Tên viết tắt: VINACHIMEX
- Tên giao dịch quốc tế: Vietnam chemicals Import and Export Company.
- Địa chỉ trụ sở chính Công ty: số 4 Phạm Ngũ Lão – Quận Hoàn Kiếm – Tp. Hà Nội
- Điện thoại: 04.38.256.377 - Fax: 04.38.257.727
- Email: vinachimex@hn.vnn.vn
- Website: <http://www.vinachimex.com.vn>
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng (ba mươi tỷ đồng) theo Đăng ký kinh doanh số 0100102414 đăng ký lần đầu ngày 15/04/2010 thay đổi lần thứ 2 ngày 02/12/2013 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
- Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2014: 30.000.000.000 đồng

Logo

:



1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất tiền thân là Công ty Vật tư – Vận tải, là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 327/HC-QLKT ngày 04/11/1969 của Tổng cục Hóa chất. Công ty có nhiệm vụ làm đầu mối tiếp nhận, vận chuyển, quản lý, cung ứng vật tư, thiết bị, nguyên liệu hóa chất phục vụ sản xuất kinh doanh cho các đơn vị thuộc Tổng cục Hóa chất (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam)



cũng như phục vụ công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (đầu mối tiếp nhận, vận chuyển hàng hóa từ miền Bắc vào miền Trung và miền Nam).

Ngày 17/09/1975 Chi nhánh Vật tư XNK Hóa chất Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo quyết định số 1784/HC-TCCBĐT. Tiếp theo đó, Chi nhánh vật tư – Vận tải số 2 Đà Nẵng được thành lập theo QĐ 513/HC-TCCBĐT ngày 28/05/1976.

Thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước, nhất là đổi mới về mặt tư duy kinh tế, đường lối đổi mới của Đảng đã tác động tích cực đến sự phát triển của các ngành sản xuất và dịch vụ. Chủ trương phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa cụ thể là mở rộng quan hệ ngoại thương giữa các thành phần kinh tế trong nước với các nước trong và ngoài khu vực. Theo định hướng, chủ trương và đường lối phát triển đó ngày 25/12/1985 Công ty Vật tư- Vận tải được đổi tên thành Công ty vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất (tên giao dịch quốc tế là : VINACHIMEX) theo quyết định số 824/HC-TCCBĐT của Tổng cục Hóa chất và bổ sung thêm chức năng nhiệm vụ: Trực tiếp quan hệ và giao dịch với các đơn vị kinh doanh trong nước và ngoài nước nhằm thực hiện những hiệp định thương mại, hợp tác kinh tế kỹ thuật, các hợp đồng về xuất nhập khẩu các sản phẩm và nguyên liệu trong ngành Hóa chất.

Bước sang giai đoạn 1991-1993, theo tinh thần của Nghị quyết TW3 khóa 8, với nhiệm vụ trọng tâm tổ chức lại các Doanh nghiệp Nhà nước thành các Tổng Công ty Nhà nước giữ vai trò chủ chốt của nền kinh tế. Trong thời gian này các Tổng công ty Nhà nước và các đơn vị thành viên được thành lập lại trong đó có Công ty. Công ty được thành lập lại theo quyết định 60/CNNg ngày 13/02/1993 của Bộ công nghiệp nặng và là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất cơ bản.

Năm 1997 Công ty cơ cấu lại tổ chức, sáp nhập Tổng kho A vào Xí nghiệp Vật tư Vận tải Hóa chất.

Tháng 01/2007 Công ty Vật tư và XNK Hóa chất chuyển hoạt động sang mô hình công ty phụ thuộc Công ty mẹ - Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam theo Quyết định số 3437/QĐ-BCN ngày 30/11/2006. Đồng thời từ ngày 01/01/2007 Chi nhánh Vật tư XNK Hóa chất thành phố Hồ Chí Minh (đơn vị trực thuộc) chính thức tách khỏi Công ty và hoạt động dưới tên giao dịch: Công ty Cổ phần XNK Miền Nam (tên viết tắt : SOUTHCHIMEX) theo Quyết định số 3442/QĐ-BCN ngày 30/11/2006.

Tháng 5/2010 Công ty Vật tư và XNK Hóa chất chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất theo Quyết định số 142/QĐ HCVN ngày 29/3/2010.

Trải qua một chặng đường 45 năm hình thành và phát triển, từ những năm tháng cuối cùng của cuộc Cách mạng chống Mỹ cứu nước cho đến ngày thống nhất Đất nước đi lên chủ nghĩa Xã hội, nền kinh tế từ bao cấp đến đổi mới và hội nhập Công ty từng bước vượt qua những khó khăn, luôn hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ chính trị, kinh tế xã hội của Đảng, nhà nước và các cấp chủ quản giao cho. Mặc dù Công ty trải qua nhiều giai đoạn cấu trúc lại mô hình hoạt động, song Công ty vẫn giữ vững được tốc độ tăng trưởng và là một trong những đơn vị chủ chốt của Tổng Công Ty Hóa chất Việt Nam trong lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng hóa, vật tư, nguyên vật liệu, tiêu thụ các sản phẩm phân bón, hóa chất của ngành.

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102414 đăng ký lần đầu ngày 15/04/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 02/12/2013 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; Sản xuất hóa chất và các sản phẩm hóa chất khác;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng;
- Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ vận tải; Vận tải đường thủy; Vận tải đường sắt, đường bộ và đường ống; Giao nhận hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu nguyên liệu phục vụ cho ngành hóa chất và các ngành kinh tế khác; Xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón hóa chất;
- Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị và phụ tùng máy;

3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

- Hoạt động thương mại bao gồm kinh doanh các loại phân bón, hóa chất và nguyên vật liệu sản xuất cao su, pin, ắc quy, nhựa, bột giặt và máy móc công nghiệp khác.
- Cung cấp dịch vụ như: dịch vụ vận tải, bất động sản, cho thuê văn phòng
- Sản xuất Silicat

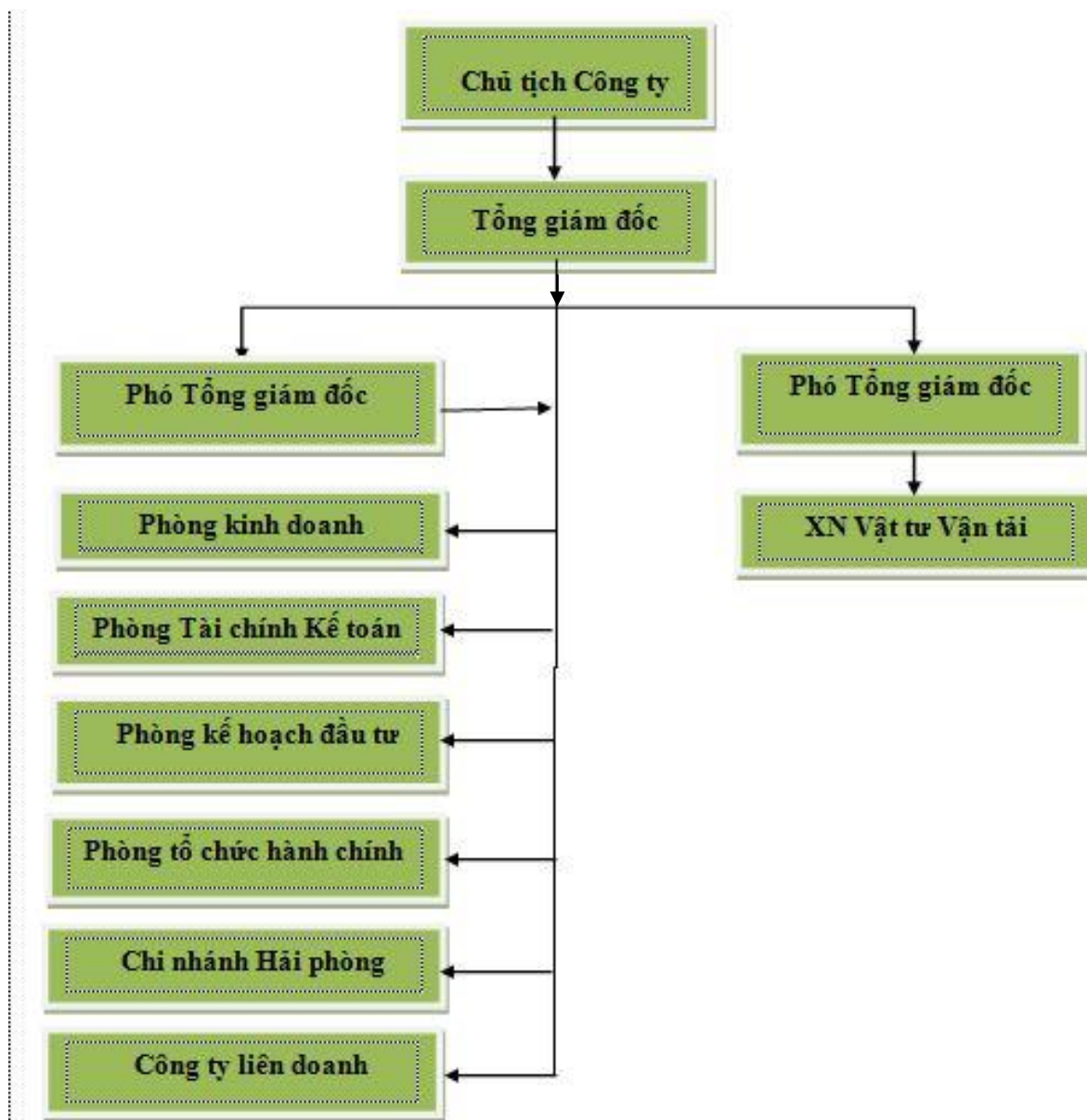
4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa

4.1. Mô hình quản lý của công ty

Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất gồm: Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc và 02 Phó tổng giám đốc.

4.2. Sơ đồ tổ chức hiện tại của Công ty

Hình 1: Sơ đồ tổ chức hiện tại của Công ty



(Nguồn: Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất)

5. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

Tổng số cán bộ công nhân viên tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần là 51 người với cơ cấu như sau:

Bảng 1. Cơ cấu lao động của Công ty tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

Nội dung	Số lượng người	Tỷ lệ (%)
I. Theo thời hạn hợp đồng	<u>51</u>	<u>100</u>
- Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	4	8
- Hợp đồng không xác định thời hạn	45	88
- Hợp đồng thời hạn 1-3 năm	2	4
- Hợp đồng theo thời vụ		
II. Theo trình độ	<u>51</u>	<u>100</u>
- Trên đại học	6	11
- Đại học	26	51
- Cao đẳng	2	4
- Trung cấp	10	20
- Lao động phổ thông	2	4
- Công nhân kỹ thuật	5	10
III. Phân loại theo giới tính	<u>51</u>	<u>100</u>
- Nam	32	63
- Nữ	19	37

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất)

6. Giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm 30/9/2014

Căn cứ Quyết định số 194/QĐ-HCVN ngày 18/5/2015 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, giá trị thực tế tại thời điểm 0h ngày 1/10/2014 như sau:

- Tổng giá trị thực tế của doanh nghiệp: 216.278.067.883 đồng
- Tổng giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 77.205.439.066 đồng

Bảng 2. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại 0h ngày 1/10/2014

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	(4)=(3)-(2)
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	171.440.677.105	216.278.067.883	44.837.390.779
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	9.943.028.325	50.814.111.869	40.871.083.544
1. Các khoản phải thu dài hạn	-	27.236.525.918	27.236.525.918
- Phải thu dài hạn khác	27.236.525.918	27.236.525.918	-
- Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(27.236.525.918)	-	27.236.525.918
2. Tài sản cố định	9.699.355.581	23.236.566.468	13.537.210.887
a. Tài sản cố định hữu hình	9.699.355.581	23.236.566.468	13.537.210.887
- Nhà cửa vật kiến trúc	8.864.533.498	21.965.266.502	13.100.733.004
- Máy móc thiết bị	784.046.298	823.507.266	39.460.968
- Phương tiện vận tải	50.775.785	447.792.700	397.016.915
b. Tài sản cố định vô hình	-	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	243.672.744	341.019.483	97.346.739
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	161.497.648.780	163.768.391.725	2.270.742.946
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30.735.319.718	30.735.319.718	-
a. Tiền mặt tồn quỹ	349.570.969	349.570.969	-
b. Tiền gửi ngân hàng	30.385.748.749	30.385.748.749	-
c. Các khoản tương đương tiền	-	-	-
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	125.645.889.100	127.916.632.046	2.270.742.946
- Phải thu ngắn hạn	127.916.632.046	127.916.632.046	-
- Dự phòng phải thu khó đòi	(2.270.742.946)	-	2.270.742.946
4. Hàng tồn kho	1.912.574.970	1.912.574.970	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	3.203.864.992	3.203.864.992	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	1.695.564.289	1.695.564.289
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. Tài sản không cần dùng (Chỉ ghi giá trị còn lại theo sổ sách kế toán)	138.758.347	138.758.347	-
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	138.758.347	138.758.347	-

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	(4)=(3)-(2)
1. Tài sản cố định	138.758.347	138.758.347	-
- Nguyên giá	910.533.652	910.533.652	
- Giá trị hao mòn lũy kế	771.775.305	771.775.305	
C. Tài sản chờ thanh lý	83.963.751	83.963.751	-
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	83.963.751	83.963.751	-
1. Tài sản cố định	83.963.751	83.963.751	-
- Nguyên giá	256.109.000	256.109.000	
- Giá trị hao mòn lũy kế	172.145.249	172.145.249	
D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng (không sử dụng cho sản xuất kinh doanh)	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C+D) Trong đó:	171.663.399.203	216.500.789.981	44.837.390.779
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	171.440.677.105	216.278.067.883	44.837.390.779
E1. Nợ thực tế phải trả Trong đó:	137.615.923.522	139.072.628.817	1.456.705.295
Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN			
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A - (E1 + E2)]	33.824.753.583	77.205.439.066	43.380.685.484

(Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại 0h ngày 1/10/2014 của Vinachimex)

7. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

7.1. Danh mục đất đai, nhà cửa doanh nghiệp đang sở hữu

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Giấy tờ pháp lý	Hình thức sử dụng
1	Khu đất tại Số 4 Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	352.99 m ²	- Quyết định số 5375/QĐ-UB ngày 08/9/2003 của UBND thành phố Hà Nội về việc cho Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất thuê đất. - Hợp đồng thuê đất số 30-2003/ĐC-HĐTĐTN ngày 01/04/2003. - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số	-Sử dụng làm trụ sở văn phòng giao dịch làm việc. -Phương thức trả tiền thuê đất hàng năm



STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Giấy tờ pháp lý	Hình thức sử dụng
			00639 QSDĐ cấp ngày 08/9/2003. - Thuê 20 năm kể từ ngày 31/12/2002 đến 31/12/2022.	
2(*)	Khu đất tại Số 35-37 phố Tràng Thi, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	272.2m ²	- Quyết định số 6456/QĐ-UB ngày 24/11/2000 của UBND thành phố Hà Nội về việc cho Công ty MTV Vật tư và XNK Hóa chất thuê đất. - Hợp đồng thuê đất số 62-2001/ĐC-HĐTĐTN ngày 10/10/2001. - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00364QSDĐ cấp ngày 24/11/2000 - Thuê 20 năm kể từ ngày 7/11/1997 đến ngày 7/11/2017	-Sử dụng làm trung tâm thương mại, nơi giao dịch giới thiệu sản phẩm các mặt hàng trang thiết bị ngành hóa chất. -Phương thức trả tiền thuê đất hàng năm
3	Khu đất 516 Hà Huy Tập, Thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	12.108m ² Trong đó có 605m ² đất nằm trong chỉ giới	- Quyết định số 5412/QĐ-UB ngày 11/9/2003 của UBND thành phố Hà Nội về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Yên Viên cho Công ty Vật tư và XNK Hóa chất. - Hợp đồng thuê đất số 159-2003/TNMTNĐ-HĐTĐTN ngày 1/12/2003. - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X104665 ngày cấp 18/8/2003. - Thuê 20 năm kể từ ngày 1/1/2003 đến ngày 1/1/2023.	-Sử dụng làm Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất silicat công suất 16.000-20.000 tấn/năm và Xây dựng lại hệ thống kho bãi đạt tiêu chuẩn -Phương thức trả tiền thuê đất hàng năm
4	Khu đất 518 Hà Huy Tập tại Thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	12.541	- HĐ thuê đất số 286-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 18/9/1999 về việc cho Công ty Vật tư và XNK Hóa chất thuê 8.915m ² với thời hạn thuê 10 năm kể từ 1/1/1996 - HĐ thuê đất số 325-24599/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 5/10/1999 về việc cho thuê 3.721m ² , thời hạn cho thuê 10 năm kể từ 1/1/1996. Theo CV số 10661/BTC-CQLCS ngày	-Sử dụng làm văn phòng của XN và dự kiến sẽ nâng cấp dây chuyền sx silicat từ 6.000 lên 16.000-20.000 tấn/năm. Xây dựng hệ thống kho đạt tiêu chuẩn

STT	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Giấy tờ pháp lý	Hình thức sử dụng
			1/8/2014 của Bộ tài chính về việc phê duyệt danh sách các cơ sở nhà đất thuộc Tập đoàn hóa chất Việt Nam được tiếp tục sử dụng ghi nhận theo đo đạc thực tế là 12.541m2	
5	Khu đất tại Số 3 đường Lê Lai, phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	11.269.50m2	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1395/QĐ-UB của UBND thành phố Hải Phòng ngày 12/8/1999 về việc cho Công ty Vật tư và XNK Hóa chất thuê đất. - Hợp đồng thuê đất số 52/HĐ ngày 23/8/1999 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00347QSĐĐ/Q2 cấp ngày 12/8/1999 - Thuê đất 20 năm tính từ ngày 12/8/1999 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm văn phòng làm việc của chi nhánh Hải Phòng; làm kho bãi đến khi có quy hoạch đất đai mới của Tp. Hải Phòng. Công ty có dự kiến sẽ lập dự án hợp tác kinh doanh làm kho ngoại quan tuy nhiên đến nay chưa có kế hoạch cụ thể. - Phương thức trả tiền thuê đất hàng năm
6	Khu đất tại Km9 Quốc lộ 5 Hải Phòng – Hà Nội (phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng)	14.687m2	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 281/QĐ-UB ngày 23/2/2000 của UBND thành phố Hải Phòng về việc thuê đất của Chi nhánh Công ty TNHH Vật tư và XNK Hóa chất. - Hợp đồng thuê đất số 05/HĐ ngày 03/03/2000. - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00371QSĐĐ/QT-HB cấp ngày 23/2/2000 - Thuê đất 30 năm kể từ 23/2/2000. 	<ul style="list-style-type: none"> -Sử dụng xây dựng kho ngoại quan, cải tạo, nâng cấp kho chứa hàng sản phẩm ngành hóa chất và cho thuê kho bãi -Phương thức trả tiền thuê đất hàng năm
7	Cơ sở nhà đất tại thôn Lã Côi, Xã Yên Yên, Huyện gia Lâm	3.124,38		Hiện công ty đang làm thủ tục bàn giao đất cho UBND t.p Hà Nội theo QĐ số

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Giấy tờ pháp lý	Hình thức sử dụng
				1886/QĐ-BTC ngày 1/8/2014 của Ủy ban Nhân dân t.p Hà Nội nên Công ty không sử dụng lô đất này.

(*) Ghi chú: Khu đất tại địa chỉ 35-37 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội năm 2000 được UBND thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ký Hợp đồng thuê đất cho Công ty TNHH MTV Vật tư và xuất nhập khẩu hóa chất. Đến nay Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu sản phẩm cơ khí có văn bản với Bộ Công thương, Sở Tài nguyên môi trường và nhà đất Hà Nội khiếu nại về việc này.

Đối với các khu đất trên, Công ty lựa chọn hình thức thuê đất của nhà nước trả tiền thuê hàng năm, Công ty sẽ thực hiện ký hợp đồng thuê đất có thời hạn theo quy định của pháp luật về đất đai và không tính bổ sung giá trị lợi thế vị trí địa lý khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và các văn bản pháp luật quy định khi xác định giá trị doanh nghiệp.

7.2. Tình hình tài sản cố định của Công ty

Bảng 3. Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 30/09/2014

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên Tài sản	Nguyên giá theo sổ sách kế toán	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán	Nguyên giá sau khi xác định lại	Giá trị còn lại sau khi xác định lại
I	Tài sản cố định hữu hình	26.111.424.501	9.699.355.581	54.095.467.967	23.236.566.468
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	22.215.870.975	8.864.533.498	50.199.914.441	21.965.266.502
2	Máy móc thiết bị	2.172.286.071	784.046.298	2.172.286.071	823.507.266
3	Phương tiện vận tải	1.723.267.455	50.775.785	1.723.267.455	447.792.700
II	Tài sản cố định vô hình	45.000.000	-	45.000.000	-
	Tổng cộng	26.156.424.501	9.699.355.581	54.140.467.967	23.236.566.468

(Nguồn: Biên bản XĐGTDN tại thời điểm 0h ngày 01/10/2014 của Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất).



- Nhà cửa, vật kiến trúc: chủ yếu là nhà xưởng sản xuất, kho hàng và nhà làm việc của Công ty tại Số 4 Phạm Ngũ Lão, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Máy móc thiết bị: chủ yếu là các Lò nấu và Téc chứa Silicat.
- Phương tiện vận tải: bao gồm 02 xe ô tô 4 chỗ và 01 ô tô Tec.

8. Danh sách công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết liên doanh

8.1. Công ty mẹ (đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước)

Tập đoàn hóa chất Việt Nam

Địa chỉ: Số 1A Tràng Tiền, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04.38240551

Fax : 04.39252995

8.2. Công ty con

Không có

8.3. Công ty liên kết, liên doanh

Trung tâm thương mại và dịch vụ IBC là liên doanh bao gồm Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất và Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu sản phẩm cơ khí Hoạt động dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh, góp vốn bằng tiền và phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp.

- Địa chỉ: 35-37 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Ngành nghề kinh doanh: cho thuê văn phòng
- Vốn điều lệ thực góp: 3.403.649.583 đồng
- Tỷ lệ góp vốn của Vinachimex: 50% Vốn điều lệ.

9. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

9.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

9.1.1. Cơ cấu doanh thu của Công ty

Doanh thu của doanh nghiệp chủ yếu từ hoạt động thương mại, buôn bán và xuất nhập khẩu các loại phân bón, hóa chất và nguyên vật liệu sản xuất cao su, pin, ắc quy, nhựa, bột giặt và máy móc công nghiệp khác.. Bên cạnh đó, Công ty còn có doanh thu từ hoạt động sản xuất silicat và cung cấp dịch vụ vận tải, cho thuê văn phòng, kho bãi.

Cơ cấu doanh thu của Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất trong từng lĩnh vực hoạt động qua các năm có sự dịch chuyển và biến động về tỷ trọng, cụ thể:

Bảng 4. Cơ cấu doanh thu thuần theo lĩnh vực hoạt động

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Sản phẩm (Dịch vụ)	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị	TT(%)	Giá trị	TT(%)	Giá trị	TT(%)
1	Hỗ trợ sản xuất	19.537	3,45	17.944	2,75	17.315	2,50
2	Hỗ trợ kinh doanh thương mại	530.137	93,56	624.252	95,62	662.010	95,7
3	Các dịch vụ khác (vận tải, hoạt động cho thuê VP, kho bãi)	16.898	2,99	10.659	1,63	12.391	1,80
	Cộng	566.572	100	652.855	100	691.716	100

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất)

Bảng 5. Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2012 - 2014

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Sản phẩm (Dịch vụ)	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị	TT(%)	Giá trị	TT(%)	Giá trị	TT(%)
1	Hoạt động tự sản xuất	1.135	3,55	394	1,16	200	0,67
2	Hoạt động thương mại	26.285	82,25	23.189	68,34	20.701	69,42
3	Các dịch vụ khác (vận tải, hoạt động cho thuê VP, kho bãi)	4.540	14,2	10.369	30,5	8.917	29,91
	Cộng	31.960	100	33.952	100	29.818	100

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất)

Quy mô doanh thu thuần của công ty tăng liên tục qua các năm chủ yếu do sự tăng trưởng doanh thu của hoạt động thương mại. Cụ thể: năm 2013, doanh thu thuần tăng 86,28 tỷ đồng tương đương tăng 15,22% so với năm 2012, trong đó doanh thu hoạt động thương mại tăng 94,11 tỷ đồng, tương ứng tăng 17,75%; năm 2014, doanh thu thuần tăng 38,9 tỷ đồng, tương ứng tăng 5,95%, trong đó doanh thu hoạt động thương mại tăng 37,76 tỷ đồng, tương ứng tăng 6% so với năm 2013.

Trong khi đó, lợi nhuận gộp lại không biến động cùng với nhịp tăng của doanh thu khi: năm 2013, lợi nhuận gộp tăng 1,99 tỷ đồng tương đương 6,23% so với năm 2012 và năm 2014 lợi nhuận lại giảm 4,13 tỷ đồng tương đương giảm 12,17% so với năm 2013, nguyên nhân chủ yếu do một số chi phí liên quan đến khâu nhập hàng hóa tăng dẫn tới giá vốn hàng bán tăng.

Mặc dù doanh thu từ các hoạt động kinh doanh dịch vụ khác chỉ chiếm khoảng 1,63-2,99% tổng doanh thu thuần nhưng lợi nhuận gộp lại chiếm tỷ trọng lên đến 17-30% tổng lợi nhuận gộp của Công ty. Năm 2012 lợi nhuận từ hoạt động này thấp so với năm 2013, 2014 chủ yếu do cách hạch toán của kế toán do chưa ghi nhận hết các chi phí liên quan đến các hoạt động cung cấp dịch vụ không phải do hoạt động kinh doanh không hiệu quả. Điều này cho thấy hoạt động cho thuê văn phòng và kho bãi đang hoạt động khá hiệu quả. Do đó công ty cũng đang tích cực tập trung đầu tư xây dựng mở rộng mảng hoạt động cho thuê kho bãi.

9.1.2. Nguyên vật liệu và sự ổn định của nguồn nguyên liệu

✓ Nguồn nguyên vật liệu

Hoạt động kinh doanh của công ty chủ yếu tập trung vào kinh doanh thương mại phân bón và hóa chất. Nguồn hàng hóa kinh doanh thương mại bao gồm các loại phân bón, hóa chất và nguyên vật liệu sản xuất cao su, pin, ắc quy, nhựa, bột giặt và máy móc công nghiệp khác được mua trong nước và nhập khẩu. Nguồn hàng trong nước chủ yếu được nhập mua của công ty thành viên thuộc Tập đoàn hóa chất Việt Nam. Ngoài ra còn có nguồn nhập khẩu từ các đối tác nước ngoài khá ổn định như Trung Quốc, Ấn Độ, Malaysia, Úc, New Zealand, Thụy Điển, Mỹ, Philippine, Ả Rập Saudi, Nga, Đức, Singapore, Kuwait, Qatar, Thái Lan, ..

Ngoài ra mảng sản xuất hiện nay của Công ty chiếm tỷ trọng nhỏ, chủ yếu là nguyên vật liệu như soda, cát trắng, thủy tinh than, dầu FO.... Các nguyên vật liệu này chủ yếu được mua trong nước.

✓ Sự ổn định của nguồn cung cấp

Nguồn cung phân bón, hóa chất và các nguyên vật liệu sản xuất cao su trong nước chủ yếu từ các công ty thành viên thuộc tập đoàn hóa chất Việt Nam như Công ty TNHH MTV DAP Vinachem, Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình, Công ty CP Hóa chất Việt Trì,... là các công ty lớn tại thị trường Việt Nam. Các nhà cung cấp nước ngoài như. Heartychem Corporatiion của Hàn Quốc, Kimtar Kimya Gubre Tarim San.tic.LTD.STI Thổ Nhĩ Kỳ, Singapore cũng là các nhà cung cấp uy tín và lâu dài của Công ty nên luôn đảm bảo về tiến độ thời gian và chất lượng sản phẩm.

✓ Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Hoạt động kinh doanh thương mại chiếm tỷ trọng lớn trong tổng cơ cấu doanh thu hàng năm, lợi nhuận của Công ty, theo đó những biến động của giá cả đầu vào có ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung. Do đó ban lãnh đạo Công ty phải có những biện pháp thích hợp nhằm đảm bảo nguồn cung cấp hàng hóa ổn định.

9.1.3. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 6. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh giai đoạn 2012- 2014

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
1	Doanh thu thuần	566.572		652.855		691.716	
2	Giá vốn hàng bán	534.612	94,36	618.903	94,8	661.898	95,69
3	Chi phí bán hàng	5.460	0,96	5.400	0,83	4.368	0,63
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.436	2,72	15.200	2,33	13.012	1,88
5	Chi phí tài chính	10.090	1,78	9.147	1,40	8.296	1,20
	Tổng chi phí	565.598	99,83	648.650	99,36	687.574	99,40

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất)

Hoạt động kinh doanh tập trung vào kinh doanh thương mại nên Chi phí giá vốn hàng bán chiếm đến 94-96% trong tổng chi phí của doanh nghiệp và chiếm từ 94-95% doanh thu thuần. Các chi phí khác (chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính) có xu hướng giảm do Công ty đang nỗ lực tiết kiệm chi phí tối đa. Cơ cấu chi phí của Công ty không có thay đổi nhiều, riêng chi phí tài chính của Công ty năm 2013, 2014 giảm nhẹ so với các năm trước chủ yếu do tình hình kinh tế đã có dấu hiệu hồi phục, nguồn huy động tiền của các ngân hàng được dồi dào nên lãi suất cho vay của Ngân hàng cũng giảm so với các năm trước.

9.1.4. Trình độ công nghệ

Hiện nay Công ty có Xí nghiệp sản xuất đặt tại Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội. Xí nghiệp đang có dây chuyền sản xuất Thủy tinh lỏng dựa trên phản ứng tổng hợp Na_2CO_3 với công suất 6.000 tấn/năm. Công nghệ dây chuyền sản xuất của Công ty chủ yếu có xuất xứ từ Trung Quốc. Công nghệ hiện nay của Công ty đã lạc hậu, công suất nhỏ nên chưa đáp ứng được hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đang thực hiện đầu tư mở

rộng thêm một dây chuyền sản xuất Thủy tinh lỏng đi từ xút (NaOH) và silicon dioxide SiO₂ với công suất 10.000 tấn/năm.

9.1.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Công ty đang xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008 và đã đưa vào áp dụng một số quy trình, quy chế quản lý cho các phòng, ban, xí nghiệp và chi nhánh nhằm giảm bớt rủi ro trong quá trình hoạt động.

Tại Xí nghiệp sản xuất có bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm có trách nhiệm quản lý và giám sát việc đảm bảo chất lượng các nguyên vật liệu nhập kho và sản phẩm xuất kho nhằm đạt mục tiêu tất cả các sản phẩm xuất kho đều đạt chất lượng đã công bố và đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước. Hơn nữa bộ phận này còn có trách nhiệm xây dựng các chương trình đào tạo về quản lý chất lượng cho CBCNV, triển khai quy trình quản lý chất lượng đối với các bộ phận sản xuất.

Đối với hàng nhập khẩu, bộ phận bên phòng kinh doanh chuyên đi giao nhận hàng hóa sẽ có trách nhiệm kiểm tra theo đúng tiêu chuẩn hàng hóa đã ghi nhận trong Hợp đồng trước khi nhập kho và chuyển đến cho các khách hàng đặt mua.

9.1.6. Hoạt động Marketing

Là Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại phân bón và hóa chất cơ bản nên hoạt động marketing đóng vai trò quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của Công ty. Chính sách thị trường của Công ty là áp dụng linh hoạt các nguyên lý marketing hiện đại, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng, thường xuyên liên hệ với khách hàng nhằm thu thập các thông tin phản hồi để kịp thời hiệu chỉnh chính sách phù hợp với sự phát triển của thị trường.

Công ty có website riêng để giới thiệu và quảng bá về sản phẩm kinh doanh. Ngoài ra Công ty còn cử đội ngũ marketing thường xuyên tham gia vào các hội chợ chuyên ngành nhằm xúc tiến thương mại với các đối tác, khách hàng.

9.1.7. Nhãn hiệu thương mại



Công ty chưa đăng ký Biểu tượng logo trên tại Cục sở hữu trí tuệ. Dự kiến sau cổ phần hóa công ty sẽ đăng ký logo này. Logo thể hiện tên của Công ty cùng với biểu tượng cây để chỉ đến các sản phẩm dịch vụ liên quan đến ngành nông nghiệp và một phần bánh xe thể hiện các sản phẩm dịch vụ cung cấp cho ngành công nghiệp.

9.1.8. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Một số hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện hoặc đã được ký kết:

Bảng 7. Danh mục Hợp đồng công ty đang thực hiện

STT	Số Hợp đồng	Thời gian thực hiện Hợp đồng	Tên đối tác	Sản phẩm	Trị giá HĐ (Triệu đồng)
1	06/HĐ-2014-XNKMN	27/06/2014	Công ty CP XNK Miền Nam	Sodium Sulphate	10.238
2	07/HĐ-2014-XNKMN	3/9/2014	Công ty CP XNK Miền Nam	Lưu huỳnh	6.743
3	PO No 4600004413	23/06/2014	Cty TNHH Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo	SODA	3.613
4	SAL-VIN/260814	28/08/2014	Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam	Muối	2.074
7	15-2014/VINA-PLASC	4/8/2014	Công ty CP Hóa chất nhựa	Máy Móc	6.455
8	16-2014/VINA-PLASC	10/10/2014	Công ty CP Hóa chất nhựa	Máy Móc	2.233
9	10-2014/VINA-TRA	1/10/2014	Công ty TNHH đầu tư Trang Anh	Hạt nhựa	1.935
10	11-2014/VINA-TRA	20/10/2014	Công ty TNHH đầu tư Trang Anh	Hạt nhựa	2.854
13	01/HCVT-VINACHIMEX	18/03/2014	Công ty CP hóa chất Việt Trì	Máy Móc	135.085
14	06/HĐ-2014-XNKMN	27/06/2014	Công ty CP XNK Miền Nam	Sodium Sulphate	10.238
15	07/HĐ-2014-XNKMN	3/9/2014	Công ty CP XNK Miền Nam	Lưu huỳnh	6.743
16	01/HDDMB/ĐNB-HC	16/1/2015	Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	UFC	9.273
17	01/HĐ-2015-PBMN	05/5/2015	CTCP phân bón miền Nam	Chất xúc tác	5.654
18	575/HĐ-KHTT	21/7/2014, thực hiện cho cả năm 2015	Công ty TNHH MTV Apatit Lào Cai	Thuốc tuyển	57.252.
19	02/HĐ-2015-XNKMN	11/3/2015	Công ty CP XNK Miền Nam	Lưu huỳnh	4.661
20	01-2015/HĐKT/VN/TS	05/1/2015	CTCP Ác quy tia sáng	Chì	105.240

(Nguồn: Công ty TNHH MTV vật tư và XNK Hóa chất)

9.2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh trong 3 năm trước cổ phần hóa

a. Một số chỉ tiêu tài chính

Bảng 8. Một số chỉ tiêu tài chính năm 2012-2014

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1. Tổng giá trị tài sản	153.153	179.497	180.246
2. Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán	32.890	33.660	35.304
3. Nợ vay ngắn hạn	83.019	99.334	101.811
- Trong đó, nợ quá hạn	-	-	-
4. Nợ vay dài hạn	0	0	0
- Trong đó, nợ quá hạn	-	-	-
5. Nợ phải thu khó đòi	27.037	27.237	27.237
6. Tổng số lao động	67	64	64
7. Tổng quỹ lương	5.881	6.400	6.139
8. Thu nhập bình quân 1 người/tháng	7,3	8,3	8
9. Tổng doanh thu(*)	566.572	652.855	691.716
10. Tổng chi phí (**)	565.598	648.651	687.574
11. Lợi nhuận trước thuế	5.406	5.450	5.235
12. Lợi nhuận sau thuế	4.477	1.693	4.081
13. Tỷ suất LNST/Vốn NN (%)	13,61	5,03	11,55

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 & 2014 của Công ty)

(*) Tổng doanh thu bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu bán hàng thương mại

(**) Tổng chi phí bao gồm chi phí giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính.

✚ Các khoản Nợ phải thu đã được trích lập dự phòng. Theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp, Nợ phải thu khó đòi bao gồm:

- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Lưu Tấn Dũng bao gồm: Nợ gốc: 14.984.834.047 đồng và Nợ lãi trả chậm là 12.063.286.541 đồng.
- Công ty Hòa Bình Xanh là: 188.405.330 đồng.

b. Tình hình công nợ phải thu và phải trả

Bảng 9. Tình hình công nợ phải thu 2012-2014

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Phải thu ngắn hạn	111.060	131.674	119.962
- Phải thu khách hàng	108.273	123.745	120.779
- Ứng trước cho NB	6.360	9.671	940
- Phải thu khác	398	1.228	263
- Dự phòng phải thu khó đòi (*)	-3.971	-2.970	-2.021
Phải thu dài hạn	0	0	0
- Phải thu dài hạn khách hàng	27.436	27.236	27.236
- Dự phòng PTDH khó đòi (**)	-27.436	-27.236	-27.236
Tổng nợ phải thu	111.060	131.674	119.961

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và năm 2014 của Công ty)

(*) Dự phòng Nợ phải thu khó đòi ngắn hạn được trích lập theo quy định do tuổi nợ của các khoản phải thu và phải thu khác đã quá hạn thanh toán.

(**) Dự phòng Nợ phải thu khó đòi dài hạn là khoản trích lập dự phòng cho

- Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ Lưu Tấn Dũng

Đây là khoản công nợ phải thu khó có khả năng thu hồi, thời gian quá hạn từ năm 2008 và đã trích lập 100%. Ngày 10/3/2014 Công ty đã có Đơn khởi kiện và hồ sơ kèm theo gửi Tòa án nhân dân Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Công ty TNHH MTV thương mại và Dịch vụ Lưu Tấn Dũng thanh toán số tiền mua hàng hóa và nợ lãi phải trả theo Biên bản kiểm toán nhà nước. Nợ gốc: 14.984.834.047 đồng và Nợ lãi trả chậm là 12.063.286.541 đồng tuy nhiên đến nay vụ kiện này vẫn đang trong quá trình xử lý.

- Và Công ty Hòa Bình Xanh là: với khoản dự phòng là 188.405.330 đồng

Bảng 10. Tình hình công Nợ phải trả 2012-2014

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Nợ ngắn hạn	120.150	145.587	144.689
- Vay và nợ ngắn hạn	83.019	99.334	101.811
- Phải trả người bán	22.106	26.311	33.418
- Người mua trả tiền trước	901	9.324	482
- Thuế phải nộp	5.862	3.951	3.768
- Phải trả CNV	2.240	1.922	1.849

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
- Chi phí phải trả	1.286	0	0
- Phải trả khác	2.728	4.303	2.783
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.008	442	578
Nợ dài hạn	113	250	253
- Phải trả dài hạn khác	0	170	253
- Dự phòng trợ cấp MVL	0	0	0
- Doanh thu chưa thực hiện	113	80	0
Tổng Nợ phải trả	120.263	145.837	144.942

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty)

Năm 2013 tổng nợ phải trả tăng 21,27% so với năm 2012, và năm 2014 thì tổng nợ phải trả giảm nhẹ so với năm 2013 là 0,61%. Năm 2013, khoản người mua trả tiền trước tăng 935% so với năm 2012 tuy nhiên năm 2014 khoản mục này giảm so với năm 2013 do Công ty hạch toán ghi nhận doanh thu thực hiện. Khoản mục Vay và Nợ ngắn hạn năm 2014 tăng 2,47 tỷ đồng tương đương 2,49% so với năm 2013. Phải trả người bán năm 2014 tăng 7,1 tỷ đồng tương đương 27,01% so với năm 2013.

Bảng 11. Chi tiết các khoản nợ vay

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Vay ngắn hạn	83.019	99.334	101.811
<i>Vay ngân hàng</i>	82.909	75.547	99.611
<i>Vay đối tượng khác</i>	110	23.787	2.200
Nợ dài hạn đến hạn trả			
Vay và nợ dài hạn	0	0	0
<i>Vay ngân hàng</i>	0	0	0
<i>Vay đối tượng khác</i>			
Tổng cộng	83.019	99.334	101.811

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất)

Tổng Nợ vay của Công ty đến năm 2014 tăng 2,49% so với năm 2013 chủ yếu do Doanh nghiệp tăng nguồn từ vay ngắn hạn của ngân hàng phục vụ cho hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty. Khoản vay ngân hàng năm 2014 tăng 31,85% tương ứng 24.064 triệu đồng so với năm 2013 và trong đó khoản vay từ đối tượng khác giảm 90,75% so với năm 2013. Điều này cho thấy Công ty có chính sách giảm bớt vay các đối tượng khác sang vay Ngân hàng giảm bớt phụ thuộc vào các đối tượng vay cá nhân.

Bảng 12. Số thuế và các khoản còn phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Thuế giá trị gia tăng	833	-	106
Thuế TNDN	454	142	463
Thuế thu nhập cá nhân	-2	10	1
Thuế xuất, nhập khẩu	81	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất (*)	4.496	3.799	3.198
Tổng	5.862	3.951	3.768

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất)

(*)Thuế nhà đất và tiền thuê đất là khoản công ty dự toán khoản phải trả hàng năm để đưa vào chi phí dựa trên các chính sách thuế đất hiện hành, tuy nhiên đến thời điểm này chưa có quyết định chính thức của Nhà nước về nộp tiền thuế này. Sau khi có quyết định chính thức từ Tổng cục thuế Hà Nội công ty sẽ điều chỉnh và nộp theo đúng quy định.

9.3. Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Trong những năm qua, nền kinh tế Thế giới nói chung và kinh tế Việt nam nói riêng gặp nhiều khó khăn, bất ổn đặc biệt từ năm 2011 nền kinh tế toàn cầu bước vào cuộc khủng hoảng và suy thoái nghiêm trọng. Diễn biến này đã làm ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên cả phương diện đầu vào và đầu ra trong giai đoạn từ 2011 đến nay. Trong đó phải kể đến những tác động của nền kinh tế khiến cho một bộ phận khách hàng của Công ty mất khả năng trả nợ, tạo ra những khoản nợ xấu và khó đòi cho Công ty, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng vay vốn của Công ty.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp khó khăn trong giai đoạn 2008-2009 dẫn đến việc Công ty mất đi một số khách hàng truyền thống. Thêm vào đó, trong nền kinh tế thị trường các đơn vị thành viên của Tập đoàn đã dần dần chủ động trong việc cung cấp nguyên vật liệu và máy móc thiết bị cho đơn vị mình dẫn đến việc Công ty gặp khó khăn trong việc tìm kiếm khách hàng và mở rộng thị trường.

Từ năm 2012-2013 cũng là giai đoạn lãi suất vay vốn dao động với biên độ rộng và xu hướng tăng cao, không khuyến khích sản xuất, kinh doanh đối với các khách hàng của Công ty từ đó làm cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Năm 2014 lãi suất giảm so với giai đoạn trước nên cũng đảm bảo đủ nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh thương mại được tốt hơn.

Ngoài ra nguồn hàng xuất khẩu bị giới hạn, chẳng hạn như mặt hàng phân bón sản xuất chủ yếu đáp ứng nhu cầu trong nước, chưa đủ sản lượng để xuất khẩu với số lượng lớn... do đó mảng kinh doanh Xuất khẩu của Công ty chưa được như mong muốn;

Trong khi lãi suất bất ổn, nguồn vốn vay ngoại tệ lại hạn hẹp, nguồn thu ngoại tệ bị giới hạn do kinh doanh xuất khẩu còn ít do đó tác động không tích cực tới mảng kinh doanh nhập khẩu;

Các quy định, thủ tục hải quan và các quy định, thủ tục khác liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu mà đặc biệt là lĩnh vực kinh doanh hoá chất thường xuyên thay đổi, còn mang nặng tính hình thức gây ra những rào cản và thiệt hại nhất định cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó Công ty còn có một số thuận lợi khó khăn như sau:

9.3.1. Thuận lợi

- Khai thác mối quan hệ với các thành viên thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
- Là Doanh nghiệp có bề dày truyền thống lâu năm đặc biệt về hóa chất công nghiệp, là đơn vị duy nhất trong ngành có đủ điều kiện kinh doanh các mặt hàng hóa chất đặc thù mà các Doanh nghiệp cùng ngành khác không có.
- Doanh nghiệp tích cực chủ động trong sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển doanh nghiệp, với cơ chế quản lý mới thông thoáng, phù hợp tình hình sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường, người lao động phát huy tốt tinh thần làm chủ, ý thức trách nhiệm trong công việc, quản lý tốt vật tư, hàng hoá, tài sản.
- Trụ sở chính, Xí nghiệp và chi nhánh của công ty tọa lạc tại những địa điểm thuận tiện cho công việc kinh doanh với những diện tích kho bãi tương đối rộng. Ngoài ra đây cũng là những tài sản tạo ra nguồn vốn tín dụng cho Công ty.

9.3.2. Khó Khăn

- Là Doanh nghiệp có vốn nhỏ nên không đủ vốn để đầu tư phát triển hệ thống kho bãi theo tiêu chuẩn cấp quốc gia nên dịch vụ cho thuê kho bãi của Công ty hiệu quả rất thấp (Thu không đủ tiền thuế nộp sử dụng đất).
- Công nợ khó đòi lớn (công nợ phải thu: 27 tỷ đồng) do từ những năm trước để lại, tuy nhiên phần công nợ gốc (hơn 15 tỷ) Công ty vẫn tiếp tục thu hồi nhưng mỗi năm con nợ trả rất ít, khả năng thu hết nợ rất lâu. Còn phần nợ lãi do Kiểm toán nhà nước tính theo Biên bản kiểm toán nhà nước năm 2008 là trên 12 tỷ, con nợ không ký xác nhận nhận nợ nên không thu hồi, khả năng mất vốn cao.
- Toàn bộ hệ thống tài sản kho bãi cũ từ năm 1969 đã lỗi thời, lạc hậu cần được nâng cấp, đổi mới.

- Một số lô đất, kho bãi đã hết hạn sử dụng, không được ký hợp đồng thuê tiếp như Lô đất tại thôn Lã Côi, Xã Yên Viên, Huyện Gia Lâm. Hiện công ty đang làm thủ tục bàn giao lại lô đất này.

10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

10.1. Vị thế Công ty trong ngành

Vinachimex là một trong những doanh nghiệp kinh doanh, xuất nhập khẩu hóa chất hàng đầu tại Việt Nam. Công ty là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Vật Tư, XNK Hóa chất đầu tiên ở Việt Nam với hơn 40 năm hoạt động trong ngành hóa chất. Chức năng chính của Công ty là kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, hóa chất, các loại máy móc thiết bị, phụ tùng, nguyên vật liệu phục vụ cho ngành hóa chất.

Sản phẩm Xút (NaOH) do Công ty sản xuất mới chỉ đáp ứng được khoảng 30% nhu cầu của thị trường Miền Bắc. Với tốc độ phát triển kinh tế như hiện nay, thì tiềm năng nhu cầu của sản phẩm này là rất lớn. Đối thủ cạnh tranh chính của Công ty là các doanh nghiệp nhập khẩu từ Trung Quốc, từ một số nước Đông Nam Á khác và một số công ty hóa chất miền Nam như Công ty cổ phần xuất nhập khẩu hóa chất Miền Nam.

Trong vài năm trở lại đây, cùng với xu thế hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, ngành hóa chất, phân bón có thêm nhiều doanh nghiệp được thành lập, điều này làm tăng sự khốc liệt của việc cạnh tranh trên thị trường. Công ty với vị thế hiện nay chủ yếu là phục vụ cho các công ty cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, hàng hóa chủ yếu là thương mại, không phải là sản xuất trực tiếp nên sau cổ phần hóa doanh nghiệp sẽ phải tự chủ động tăng cường hoạt động kinh doanh để cạnh tranh với các doanh nghiệp kinh doanh phân bón trên thị trường khác.

10.2. Triển vọng phát triển của ngành

Với một nền kinh tế đang tăng trưởng như hiện nay thì nhu cầu về các sản phẩm trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh hóa chất của Công ty khá cao và ổn định. Năng lực sản xuất trong nước chưa đáp ứng được nhu cầu đó mà chủ yếu nhập khẩu từ Trung Quốc, Đức, Pháp, Mỹ,... Bên cạnh đó, đây là ngành có lợi nhuận ổn định mà vốn đầu tư không quá nhiều, tốc độ thu hồi vốn nhanh (khoảng 3-5 năm).

Hiện nay, năng lực sản xuất phân bón trong nước đã đáp ứng được trên 80% nhu cầu sử dụng phân vô cơ. Bên cạnh đó, năng lực sản xuất một số loại phân bón U rê, NPK và phân lân đã đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng trong nước. Như vậy, sản lượng U rê sản xuất trong nước sẽ có thể dư thừa nên việc hướng đến xuất khẩu phân đạm là một điều tất yếu.

Theo Quyết định số 207/2005/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính Phủ ngày 18/08/2005 phê duyệt chiến lược phát triển ngành Công nghiệp Hóa chất Việt Nam đến năm 2010, tại Điều 1, điểm 1 về quan điểm phát triển có nêu:

- Công nghiệp hóa chất là một trong các ngành công nghiệp trọng điểm được ưu tiên phát triển phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ.

- Phát triển công nghiệp hóa chất trên cơ sở coi trọng hiệu quả kinh tế và phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế. Cơ cấu ngành được phát triển một cách có chọn lọc ở cả hai lĩnh vực sản xuất tư liệu sản xuất và sản xuất tư liệu tiêu dùng, gắn với nhiệm vụ củng cố an ninh, quốc phòng và an ninh lương thực quốc gia.

- Phát triển công nghiệp hóa chất trên cơ sở huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước. Sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, như khoáng sản, thực vật nhiệt đới. Có các chính sách phù hợp để thu hút đầu tư nước ngoài đối với các công trình có nhu cầu vốn lớn mà trong nước chưa đáp ứng được, đòi hỏi công nghệ cao.

- Đầu tư phát triển công nghiệp hóa chất bằng công nghệ tiên tiến, nhằm tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, giá thành có sức cạnh tranh, bảo đảm môi trường sinh thái.

- Phát triển công nghiệp hóa chất phải gắn với việc cơ cấu lại ngành công nghiệp, phân bổ lại lực lượng sản xuất ở quy mô toàn quốc và thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

10.3.Đánh giá về sự phù hợp của định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Định hướng, mục tiêu phát triển của Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất đã đề ra hoàn toàn phù hợp và đi đúng hướng với quan điểm và định hướng phát triển của ngành. Với những lợi thế phát triển riêng, với những nỗ lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên, Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất hoàn toàn có thể tiếp bước trở thành một Doanh nghiệp cổ phần mạnh trong ngành hóa chất trong khu vực miền Bắc.

VI. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC SAU CỔ PHẦN HÓA CỦA CÔNG TY

1. Thông tin chung về công ty cổ phần

Tên công ty	: Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất
Tên tiếng Anh	: Vietnam Chemicals Import and Export Joint Stock Company
Tên viết tắt	: VINACHIMEX
Trụ sở chính	: Số 4 Phạm Ngũ Lão - Quận Hoàn Kiếm - Tp.Hà Nội
Điện thoại	: 043.8256377 Fax: 043.8257.727



Website : <http://www.vinachimex.com.vn>

Logo:



2. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa

Sau khi tiến hành cổ phần hóa, ngành nghề kinh doanh của Công ty dự kiến như sau:

- Xuất nhập khẩu máy móc. thiết bị và phụ tùng máy;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón hóa chất;
- Xuất nhập khẩu nguyên liệu phục vụ cho ngành hóa chất và các ngành kinh tế khác;
- Giao nhận hàng hóa;
- Vận tải đường sắt, đường bộ và đường ống;
- Vận tải đường thủy;
- Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ vận tải;
- Kinh doanh bất động sản. cho thuê văn phòng;
- Sản xuất hóa chất và các sản phẩm hóa chất khác;
- Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác;
- Kinh doanh các ngành nghề khác được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý và tổ chức sau cổ phần hóa

a. Cơ cấu tổ chức nhân sự của Công ty

Hình 2. Sơ đồ Cơ cấu tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa



b. Chức năng, nhiệm vụ từng bộ phận

✚ Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ công ty quy định.

✚ Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề

thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông công đồng. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty. Hội đồng quản trị của Công ty dự kiến gồm 5 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm tra nội bộ của Công ty. Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ. Ban kiểm soát của Công ty dự kiến có 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

Ban Giám đốc:

Gồm Tổng Giám đốc và 2 Phó tổng giám đốc. Tổng Giám đốc là người quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng thuê. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó tổng giám đốc chuyên môn.

Các phòng ban nghiệp vụ

Các phòng ban kỹ thuật nghiệp vụ thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh được hiệu quả. Các phòng ban nghiệp vụ thực hiện theo chỉ đạo của Ban tổng giám đốc điều hành.

4. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau cổ phần hóa

4.1. Mục tiêu

Sản xuất, kinh doanh theo chiến lược phát triển của Tập đoàn nhằm thu lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

Phân đầu đứng đầu trong ngành về kinh doanh. xuất nhập khẩu Hóa chất và vận tải Logistics, nâng cao giá trị của Công ty. Ban lãnh đạo, các cổ đông và toàn bộ nhân viên quyết tâm đưa Công ty phát triển hòa nhập vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu.

4.2. Chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau cổ phần hóa

Chiến lược marketing

Công ty sẽ tập trung vào các ngành hàng truyền thống và có thế mạnh như một số loại hàng hóa ngành Phân bón và Hóa chất phục vụ cho các Công ty con thuộc Tập đoàn hóa chất Việt Nam. Đảm bảo uy tín và chất lượng để mở rộng ra các doanh nghiệp ngoài Vinachem.

Nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải và sản xuất Silicat nhằm nâng cao uy tín với khách hàng. Xây dựng hình ảnh và quảng bá thông qua website, các phương tiện thông tin đại chúng.

Chiến lược phát triển sản xuất

Công ty sẽ tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh theo những ngành và mặt hàng chính sau:

- Sản xuất Silicat
- Kinh doanh các mặt hàng hoá chất, máy móc thiết bị phục vụ cho ngành hoá chất.
- Kinh doanh cho thuê kho bãi, văn phòng và các dịch vụ khác.

a. Sản xuất silicat:

- Xây dựng 01 Xưởng sản xuất Silicat công suất 16.000 tấn năm tại 518 Hà Huy Tập – Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội.
- Áp dụng công nghệ mới vào sản xuất.

b. Kinh doanh các mặt hàng hoá chất, máy móc thiết bị phục vụ cho ngành hoá.

- Tiếp tục đẩy mạnh và phát huy việc kinh doanh các mặt hàng hoá chất đối với các đơn vị truyền thống như: Kinh doanh các loại hoá chất phục vụ sản xuất cao su; sản xuất kính; các loại hoá chất tuyển....
- Trong đó hướng tới xây dựng một mặt hàng chiến lược mang lợi thế của Vinachimex kèm theo việc bán lẻ và kho chứa sản phẩm tại Hải Phòng và Yên Viên.
- Đẩy mạnh việc nghiên cứu và cung cấp các thiết bị thay thế cho các nhà máy sản xuất, đặc biệt là các đơn vị trong tập đoàn.
- Tiếp tục xúc tiến thương mại và đẩy mạnh xuất khẩu, đặc biệt là các sản phẩm của Tập đoàn.

c. Kinh doanh cho thuê kho bãi văn phòng và các dịch vụ khác

- Xây dựng hệ thống kho tiêu chuẩn tại 516 Hà Huy Tập để phục vụ hoạt động kinh doanh hoá chất, phân bón của Công ty và cho thuê.
- Tiếp tục khai thác các diện tích kho, văn phòng hiệu quả.
- Kết hợp Công ty Mecanimex xây dựng lại khu văn phòng cho thuê tại 35-37 Tràng Thi do Toà nhà này đã xuống cấp và không hữu dụng.

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải, hải quan...

Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

Nâng cao chất lượng đội ngũ từ cán bộ quản lý đến người lao động bằng các biện pháp tuyển dụng, đào tạo những kỹ sư, cử nhân trẻ có trình độ và phẩm chất tốt tại các trường Đại học có uy tín về làm việc cho Công ty. Sử dụng các chế độ đãi ngộ xứng đáng và tạo các mục tiêu phấn đấu cho người lao động. Nâng cao trình độ nhận thức tay nghề cho công nhân lao động trực tiếp bằng các đợt tập huấn, nâng bậc. Đào tạo đội ngũ công nhân trẻ để thay thế cho những người không đảm bảo được yêu cầu công việc. Tạo môi trường làm việc cạnh tranh trong Công ty để toàn thể cán bộ, công nhân viên, người lao động luôn luôn phải cố gắng tự học hỏi nâng cao trình độ nếu không muốn bị đào thải.

Chiến lược đầu tư và phát triển công nghệ

Đầu tư dây chuyền sản xuất Silicat hiện đại hóa theo quy trình công nghệ mới nhằm đạt năng suất 16.000 tấn/năm.

Đầu tư kho ngoại quan, kho tiêu chuẩn tại Yên Viên và Hải phòng nhằm hướng phát triển ngành kinh doanh Vận tải.

4.3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2015-2017

Căn cứ tình hình hoạt động của công ty trong các năm qua và kế hoạch đầu tư trong các năm tới, Công ty lập kế hoạch SXKD với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

Bảng 13. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh từ năm 2015 – 2017

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Khoản mục	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Kế hoạch đầu tư XDCB		7.136	17.864	7.000
A	Dự án XD hệ thống kho chứa và nâng công suất dây chuyền sx thủy tinh lỏng lên 16.000 tấn/năm tại 516-518 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, HN	Triệu đồng	3.000	10.000	7.000
B	Dự án XD hệ thống kho lạnh, kho hàng tiêu chuẩn tại số 3 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng	Triệu đồng	4.136	7.864	00
2	Vốn điều lệ	Triệu đồng	77.000	77.000	77.000

STT	Khoản mục	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
3	Tổng số lao động	Người	55	65	80
4	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	6.600	7.800	9.600
5	Thu nhập bq 1 người/tháng	Triệu đồng	10,00	10,00	10,00
6	Tổng doanh thu	Triệu đồng	420.000	470.000	540.000
7	Tổng chi phí	Triệu đồng	418.500	465.000	534.500
8	Lợi nhuận thực hiện trước thuế trong năm	Triệu đồng	1.500	5.000	5.500
9	Dự kiến thu hồi công nợ	Triệu đồng	00	26.000	500
10	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	(-28.007)	2.494,16	5.000
11	Tỷ lệ cổ tức dự kiến	%	0	3	5

Ghi chú: - Kết quả kinh doanh năm đầu sau cổ phần hóa (-) 28.007.268.864 đồng là do khoản công nợ khó đòi của Công ty TNHH MTV Lưu Tân Dũng: 27.048.120.588 đồng (gồm 14.984.834.047 đồng nợ gốc và 12.063.286.541 đồng lãi phạt chậm trả); Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Hà Nội: 2.270.742.946 đồng; Công ty Hòa Bình Xanh: 188.405.330 đồng; tổng cộng: 29.507.268.864 đồng. Khoản trích lập dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi đã được hoàn nhập do xử lý tài chính trước khi cổ phần hóa nên sau khi cổ phần hóa Công ty phải trích lập dự phòng tài chính theo quy định.

5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ sau cổ phần hóa

5.1.1. Vốn điều lệ

- ❖ Vốn điều lệ Công ty cổ phần : 77.000.000.000 đồng
- ❖ Tổng số lượng cổ phần : 7.700.000 cổ phần
- ❖ Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- ❖ Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu

5.1.2. Cơ cấu vốn điều lệ và tỷ lệ cổ phần của các Cổ đông

Công ty dự kiến cơ cấu vốn điều lệ sau khi chuyển sang hoạt động mô hình công ty cổ phần như sau:

Bảng 14. Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty sau cổ phần hóa

TT	Đối tượng	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ
1	Cổ phần nhà nước nắm giữ	1.925.000	19.250.000.000	25,00
2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp	186.000	1.860.000.000	2,42
2.1	Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV theo năm công tác	75.500	755.000.000	0,98
2.2	Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV cam kết	110.500	1.105.000.000	1,44
3	Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược	2.794.500	27.945.000.000	36,29
4	Cổ phần bán đấu giá công khai	2.794.500	27.945.000.000	36,29
	Cộng	7.700.000	77.000.000.000	100,00%

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất)

VII. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

1. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần đấu giá

1.1. Cổ phần bán đấu giá công khai

- Số lượng cổ phần chào bán : 2.794.500 cổ phần, tương ứng với 36,29 % vốn điều lệ của Công ty cổ phần.
- Phương thức bán: bán đấu giá công khai tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Giá khởi điểm: **10.000 đồng/cổ phần**

1.2. Thời gian và địa điểm đăng ký tham dự đấu giá và nộp tiền đặt cọc

Theo Quy chế đấu giá do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

1.3. Địa điểm và thời gian tổ chức đấu giá

- ❖ Địa điểm tổ chức đấu giá: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- ❖ Thời gian tổ chức đấu giá: theo Quy chế đấu giá do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

1.4. Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc

Theo Quy chế đấu giá do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

1.5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Tỷ lệ sở hữu cổ phần Công ty do người nước ngoài nắm giữ tối đa là 49% tổng số cổ phiếu của Công ty theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15 tháng 04 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2009. Theo đó, đợt chào bán đấu giá công khai sẽ không giới hạn số lượng cổ phiếu đặt mua đối với người nước ngoài.

1.6. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Cổ phần được đấu giá là cổ phần phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

2. Phương thức phát hành cổ phiếu

2.1. Đối với Người lao động

Cổ phiếu ưu đãi cho CBCNV theo thâm niên làm việc

- Số lượng cổ phần Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất chào bán ưu đãi cho người lao động theo danh sách thường xuyên tại thời điểm phê duyệt giá trị doanh nghiệp và chào bán thêm theo năm công tác làm việc của Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất là 75.500 cổ phần tương ứng 0,98% vốn điều lệ của Công ty cổ phần.

- Giá bán: bằng 60% giá đấu giá thành công thấp nhất theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần

- Thời gian bán và thanh toán tiền mua cổ phần: sau khi đấu giá bán công khai

Chào bán thêm cho cán bộ công nhân viên có cam kết làm việc và cán bộ công nhân viên có trình độ cao

- Tổng số cổ phần chào bán thêm cho cán bộ công nhân viên theo số năm cam kết làm việc và cán bộ công nhân viên trình độ cao của Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất là 110.500 cổ phần tương ứng 1,44% vốn điều lệ.

- Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm nêu trên được xác định là giá đấu thành công thấp nhất của đợt đấu giá công khai.

- Thời gian bán và thanh toán tiền mua cổ phần: sau khi bán đấu giá công khai

2.2. Nhà đầu tư chiến lược

• Tổng số cổ phần chào bán cho cổ đông chiến lược là 2.794.500 cổ phần tương ứng 36,292% vốn điều lệ.

• Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược: Theo tiêu chí do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số 195/QĐ-HCVN ngày 18/5/2014 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

• Danh sách nhà đầu tư chiến lược đáp ứng đủ tiêu chí được lựa chọn bao gồm:

Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải phòng cấp lần đầu ngày 12/3/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 31/10/2014.



- Địa chỉ trụ sở chính: Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

✚ Công ty TNHH Văn Minh

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100284958 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/3/1993 và được thay đổi lần thứ 14 ngày 26/4/2014.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 55, Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

✚ Thời gian bán cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược:

- Thực hiện bán cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược sau khi bán đấu giá công khai.

✚ Phương thức bán cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược:

- Việc bán cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược được thực hiện theo phương thức đấu giá.

- Tổ chức thực hiện bán đấu giá: Theo quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK hóa chất của Tập đoàn hóa chất Việt Nam quy định sẽ tổ chức đấu giá tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

✚ Giá bán:

- Giá khởi điểm bán cho Nhà đầu tư chiến lược: là giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

- Giá bán cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược: là giá Nhà đầu tư chiến lược đặt mua được xác định là trúng thầu của cuộc đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược, nhưng không thấp hơn giá khởi điểm bán cho Nhà đầu tư chiến lược.

- Nhà đầu tư chiến lược có trách nhiệm thực hiện việc đặt cọc theo quy định pháp luật có liên quan đồng thời tuân thủ các quy định khác của Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần.

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HÓA

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ bán cổ phần hóa được thực hiện theo quy định tại mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần Vật tư và XNK Hóa chất, tạm tính giá sử tất cả số cổ phần bán đấu giá được mua với giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phần và giá đấu bình quân là 10.000 đồng/cổ phần, chi tiết như sau:

Bảng 15. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa như sau

Khoản mục	Giá trị (VNĐ)
1. Tiền thu từ bán cổ phần tính theo giá khởi điểm	57.448.000.000
<i>Trong đó</i>	
- Tiền thu từ bán ưu đãi cho người lao động (*)	453.000.000
- Tiền thu từ bán cho NLD theo năm cam kết	1.105.000.000
- Tiền thu từ bán cho cổ đông chiến lược	27.945.000.000
- Tiền thu từ bán đấu giá	27.945.000.000
2. Phần khấu trừ	500.000.000
- Chi phí cổ phần hóa	500.000.000
- Chi phí giải quyết lao động dôi dư	0
3. Phần thặng dư (1-2)	56.948.000.000
4. Giá trị tương ứng với số cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá được để lại doanh nghiệp (A)	0
5. Phần tiền còn lại nộp cho Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp công ty mẹ (6=3-4)	56.948.000.000

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất)

IX. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Việt Nam được đánh giá là một trong những nước đang phát triển có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và ổn định trong nhiều năm, bình quân đạt 6,6%/năm giai đoạn 2000 - 2010; 5,44%/năm giai đoạn 2010 - 2014.

Năm 2014, GDP đã tăng khoảng 5,98% – cao hơn mức tăng 5,42% năm 2013 và 5,25% năm 2012. Báo cáo của Tổng cục thống kê cho biết, cơ cấu nền kinh tế năm nay tiếp tục theo hướng tích cực: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 18,12%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38,50%; khu vực dịch vụ chiếm 43,38% (Cơ cấu tương ứng của năm 2013 là: 18,38%; 38,31%; 43,31%). Nhìn chung, nền kinh tế nước ta năm 2015 có nhiều động lực tăng trưởng, tuy nhiên, vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn thách thức từ những biến động phức tạp của nền kinh tế chung của thế giới, ảnh hưởng tới đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, đồng thời tác động đến cán cân thương mại và lạm phát trong nước. Bên cạnh đó, nợ xấu của doanh nghiệp đặc biệt là của các doanh nghiệp khu vực nhà nước cũng là yếu tố cản trở tăng trưởng kinh tế trong năm 2015.

Nếu như nền kinh tế tăng trưởng tốt sẽ làm tăng thu nhập, tăng nhu cầu tiêu dùng, nhà ở, giải trí của người dân và thúc đẩy nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1. Lạm phát

Nếu như, tình trạng lạm phát của nền kinh tế luôn cao và biến động mạnh qua các năm gần đây với đỉnh điểm ở mức 22,97% năm 2008 thì năm 2014, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng thấp nhất trong 13 năm trở lại đây. CPI cả năm 2014 tăng 4,09% so với năm 2013, thấp hơn hẳn so với kế hoạch 7% mà Nghị quyết chính phủ đã đề ra. Nguyên nhân do sức cầu của nền kinh tế còn yếu, giá xăng dầu giảm mạnh nhiều lần và những tháng cuối năm, tăng trưởng tín dụng còn khá thấp.... Theo dự báo của một số cơ quan thông tin, kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn, giá dầu giảm kéo dài, chính sách tiền tệ không có nhiều đột biến và chính sách tài khóa tiếp tục được thắt chặt do nợ công đã khá cao (60,3% GDP), giá cả nhiều mặt hàng không có nhiều biến đổi, do đó, chỉ số CPI năm 2015 có thể tiếp tục ở mức thấp.

Lạm phát thấp có thể tạo điều kiện thu hút đầu tư nước ngoài, giúp thị trường tiền tệ ổn định, khuyến khích tiêu dùng giúp kinh tế vĩ mô ổn định, đồng thời giảm thiểu chi phí đầu vào của Công ty, giúp Công ty có điều kiện tăng trưởng lợi nhuận.

1.2. Lãi suất

Năm 2014, diễn biến của lãi suất khá tương thích với biến động của lạm phát và các yếu tố khác của nền kinh tế. Sau hai lần điều chỉnh lãi suất vào tháng 3/2014 và tháng 10/2014, hiện nay, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số lĩnh vực, ngành kinh tế từ 8%/năm xuống chỉ còn 7%/năm, đồng thời NHNN kêu gọi các tổ chức tín dụng giảm lãi suất cho vay đối với nền kinh tế. Việc thúc đẩy xử lý nợ xấu và kiểm soát tốt lạm phát giúp ổn định mặt bằng lãi suất sẽ là điểm tựa cho sự phục hồi tốt hơn của đầu tư tư nhân, khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp sẽ dễ dàng hơn, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế trong năm 2015 sắp tới.

Như vậy, với việc mặt bằng lãi suất hiện tại đã ở mức khá thấp, tương đương với thời kỳ năm 2005-2006, chi phí lãi vay của Công ty có cơ hội giảm.

2. Rủi ro về pháp luật

Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất đang trong quá trình thực hiện chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, do đó hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản liên quan trong quá trình chuyển đổi. Sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần, Công ty sẽ chịu sự điều chỉnh bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật chuyên ngành khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hệ thống luật pháp Việt Nam hiện đang trong quá trình hoàn thiện, việc vận dụng các quy định của luật pháp vào thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty còn gặp nhiều

khó khăn, không kịp thời và thiếu nhất quán. Hoạt động của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng của các quy định khác nhau như Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán ... Theo dự kiến, các sắc luật này sẽ tiếp tục được điều chỉnh để phù hợp, chặt chẽ hơn trong thời gian tới, do đó cũng ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Doanh nghiệp hoàn toàn có thể hạn chế rủi ro pháp luật bằng chính sự hiểu biết về pháp luật hoặc thông qua sự tham vấn chuyên nghiệp của các đơn vị tư vấn Luật.

3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro chất lượng sản phẩm

Hiện nay trên thị trường, chất lượng sản phẩm được người tiêu dùng đánh giá rất khắt khe, do vậy Công ty luôn phải chú trọng đến vấn đề này. Ngoài ra các sản phẩm phân bón hiện nay cũng bị làm giả nhiều do vậy công ty luôn phải kiểm soát chặt chẽ chất lượng của sản phẩm. Sản phẩm hàng hóa mà Công ty đang kinh doanh rất đa dạng trên thị trường do vậy tính cạnh tranh cũng rất cao. Với các sản phẩm chất lượng kém không được kiểm soát có thể ảnh hưởng đến uy tín và doanh thu của Công ty. Để hạn chế được rủi ro này Công ty thường làm việc với các đối tác hợp tác lâu năm và cùng nằm trong Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Rủi ro về tài chính

Tỷ trọng thương mại của Công ty trong hoạt động kinh doanh, thường xuyên phải nhập khẩu và mua hàng mà nguồn thu thường bị trả chậm do đó Công ty phải sử dụng thêm các nguồn vay từ ngân hàng và các đối tác khác do vậy những biến động về tỷ giá hối đoái và lãi suất vay cũng ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm dẫn đến ảnh hưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Để kiểm soát được rủi ro này doanh nghiệp luôn phải tính toán và dự trù các giao dịch ngoại tệ đảm bảo ở mức rủi ro có thể kiểm soát.

4. Rủi ro ô nhiễm môi trường

Đặc thù của ngành sản xuất phân bón, hóa chất là có khả năng gây ô nhiễm môi trường cao và nếu xảy ra thì hậu quả rất nghiêm trọng. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực phân bón, hóa chất nên các vấn đề liên quan đến xử lý chất thải, giảm thiểu các tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường luôn được Công ty chú trọng, đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn của Nhà nước. Tất cả các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt đều được Công ty triển khai thực hiện nghiêm túc, từ việc thực hiện giám sát, quan trắc thường xuyên, quản lý chất thải, nộp phí bảo vệ môi trường đến chế độ báo cáo thông tin đều được Công ty thực hiện đầy đủ. Công ty cũng liên tục cải tiến kỹ thuật, chế độ vận hành thiết bị, dây chuyền nhằm tăng năng suất và hạn chế, giảm bớt các thành phần độc hại trong chất thải.

5. Rủi ro của đợt chào bán

Thị trường chứng khoán Việt Nam còn khá non trẻ, bên cạnh đó do ảnh hưởng của biến động của nền kinh tế thế giới và kinh tế đất nước trong thời gian qua dẫn tới tâm lý của các nhà đầu tư chưa thực sự ổn định. Phần đông số họ đang chờ các động thái tích cực hơn của Chính phủ và các chính sách ổn định kinh tế trong thời gian tới. Do đó, tình hình giao dịch cổ phiếu cả trên thị trường niêm yết và thị trường OTC chưa thực sự sôi động. Vì vậy, việc chào bán cổ phần ra công chúng trong thời điểm này sẽ gặp phải một số khó khăn, bất lợi nhất định.

Tuy nhiên dựa trên cơ sở thương hiệu, uy tín đã được khẳng định trên thị trường cùng với hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua và khả năng phát triển của Công ty trong thời gian tới, khả năng thành công của đợt chào bán có thể tăng lên đáng kể.

6. Rủi ro khác

Ngoài các loại rủi ro trên, hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi một số rủi ro bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, rủi ro biến động chính trị xã hội...

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

1. Chủ sở hữu vốn Nhà nước

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Địa chỉ: Số 1A Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 38240551 - Fax: (04) 38252995

2. Tổ chức phát hành

Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất

Địa chỉ: Số 4 Phạm Ngũ Lão, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04.38 265377 Fax: 04.38 257727

3. Tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà, số 165 Cầu Giấy, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 04 626 70491/92/93 Fax: 04 6267 0494

4. Tổ chức tư vấn bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng

Công ty cổ phần Chứng khoán Tân Việt

Địa chỉ: Tầng 6, Số 79 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3728 0921 - Fax: (04) 3728 0920

XI. LỘ TRÌNH NIÊM YẾT, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 14, Quyết định 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước, Công ty có cam kết:

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán, sau khi thực hiện các thủ tục để đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường chứng khoán theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, trong thời hạn tối đa một (01) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải bổ sung hồ sơ để hoàn tất thủ tục niêm yết tại các Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.”

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2015

T/M BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HOÁ



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Gia Tường

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ XNK HÓA CHẤT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hoàng Mạnh Thắng

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Ngọc Hiền

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC ✓



Nguyễn Việt Cường